

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

QUYỂN 112

Mất tên người dịch chữ Phạm ra chữ Hán.

Pháp hội 43: BỒ-TÁT PHỔ MINH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở thành Vương xá, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỷ-kheo tám ngàn người đều hội họp. Đại Bồ-tát một vạn sáu ngàn người, đều là bậc không thoái chuyển, từ các cõi Phật đến họp, đều là bậc một đời sẽ thành đạo Vô thượng Chánh chân..

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp thoái thất trí tuệ. Những gì là bốn?

1. Chẳng tôn trọng pháp, chẳng kính Pháp sư.
2. Được thọ thâm pháp bí ẩn chẳng nói hết.
3. Có người ưa thích pháp thì làm chướng nạn nói các nhân duyên làm phá hoại lòng họ.

4. Kiêu mạn tự cao khinh rẻ người khác.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp thoái thất trí tuệ Bồ-tát.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp được đại trí tuệ. Những gì là bốn?

1. Thường tôn trọng pháp, cung kính Pháp sư.
2. Tùy theo pháp được nghe, dùng tâm thanh tịnh mà rộng giảng nói cho người chẳng cầu tất cả danh văn lợi dưỡng.
3. Biết rằng từ đa văn mà sinh trí tuệ, nên siêng cầu chẳng lười như cứu lửa cháy đầu.

4. Nghe kinh tụng trì, ưa thích như thuyết, thực hành chẳng theo ngôn thuyết.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp được đại trí tuệ của Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp mất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn?

1. Khi đối sư trưởng, chẳng cung kính kinh pháp đã thọ.
2. Chỗ không có nghi hối mà làm người khác nghi hối.
3. Người cầu Đại thừa lại mắng rầy chê bai bêu xấu họ.
4. Dùng tâm siểm khúc mà tụng sự nơi người.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp mất tâm Bồ-đề của Bồ-tát.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp, đời đời chẳng mất tâm Bồ-đề, cho đến lúc ngồi đạo tràng tự nhiên hiện tiền. Những gì là bốn?

1. Dù là nhân duyên mất mạng cũng chẳng vọng ngữ hướng là chê cười.
2. Thường dùng trực tâm tụng sự cho người rời lìa siểm khúc.
3. Đối với các Bồ-tát tưởng là Phật hay xưng dương danh hiệu chư vị khắp bốn phương.

4. Tự mình chẳng yêu thích pháp Tiểu thừa, có giáo hóa ai đều khiến họ an trụ Vô thượng Bồ-đề.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp chẳng mất tâm Bồ-đề của Bồ-tát, cho đến đạo

tràng tự nhiên hiện tiền.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp, mà pháp lành đã được sinh, không tăng trưởng và bị hoại diệt. Những gì là bốn?

1. Dùng tâm kiêu mạn đọc tụng tu học kinh Lộ-già-gia.
2. Lòng tham lợi dưỡng đến nhà đàn-việt.
3. Ghét và hủy báng Bồ-tát.
4. Với kinh chưa nghe, thì trái nghịch chẳng tin.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp mà Bồ-tát làm mất thì chẳng tăng trưởng pháp lành đã sinh.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp, mà pháp lành được sinh tăng trưởng chẳng mất. Những gì là bốn?

1. Bỏ lìa tà pháp, cầu chánh kinh điển sáu pháp Ba-la-mật-đa Bồ-tát Pháp tạng.
2. Lòng không kiêu mạn đối với chúng sinh khiêm nhượng nhúng nhường.
3. Như pháp được bố thí, biết vừa biết đủ, lìa các tà mạng an trụ Thánh chủng.
4. Chẳng nói tội lỗi hư thực của người, chẳng tìm chỗ dở của người, nếu ở các pháp, lòng mình chẳng thông đạt thì nghĩ rằng: “Phật pháp vô lượng tùy chỗ ưa thích của chúng sinh mà thuyết pháp cho họ, chỉ có Phật biết chẳng phải chỗ hiểu của tôi, lấy Phật làm chứng, mà chẳng sinh lòng trái nghịch.”

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp mà pháp lành đã sinh thì tăng trưởng chẳng mất.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn tâm siểm khúc mà Bồ-tát phải xa lìa. Những gì là bốn?

1. Ở trong Phật pháp thì sinh lòng nghi hối.
2. Đối với chúng sinh thì kiêu mạn sân hận.
3. Với lợi dưỡng của người, thì sinh lòng tật đố.
4. Mắng chửi Bồ-tát, nói tiếng xấu cho Bồ-tát.

Này Ca-diếp! Đây là bốn tâm siểm khúc, mà Bồ-tát phải xa lìa.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng trực tâm. Những gì là bốn?

1. Có phạm tội không che giấu mà phát lộ với người, lòng không phiền muộn.
2. Nếu mất nước, thân mạng, tài sản, gặp lúc sự việc gấp ấy cũng chẳng vọng ngữ chẳng nói khác.
3. Tất cả sự ác hủy báng mắng nhiếc đánh đập trói buộc, lúc bị các sự khổ nạn như vậy, chỉ tự trách mình tự y theo nghiệp báo chẳng giận hờn người.
4. An trụ tín lực, nếu nghe Phật pháp thậm thâm khó tin, thì tin mình thanh tịnh có thể đều thọ trì cả.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng trực tâm.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng bại hoại. Những gì là bốn?

1. Đọc tụng kinh điển, mà sinh hý luận chẳng thực hành theo pháp.
2. Chẳng có thể cung kính phụng thuận sư trưởng, khiến sư trưởng đẹp lòng.
3. Làm tổn sự cúng dường của người, tự trái bản thể mà thọ tín thí.
4. Đối với Bồ-tát tốt lành, thì khinh mạn bất kính.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng bại hoại.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng thiện thuận. Những gì là bốn?

1. Kinh chưa được nghe, nghe rồi tín thọ thực hành như lời y chỉ nơi pháp chẳng y theo ngôn thuyết.

2. Tùy thuận sự giáo hóa của thầy, hay biết ý chỉ dễ dàng cùng thưa nói, chỗ làm đều hay giỏi chẳng sai ý sư trưởng.

3. Chẳng thoái giới định, dùng tâm điều thuận mà thọ cúng dường.
4. Thấy Bồ-tát tốt thì cung kính yêu thích, tùy thuận người lành bảm thọ đức hạnh.
Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng điều thuận.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng sai lầm. Những gì là bốn?

1. Với người chẳng tin được, mà đồng ý với họ.
2. Với chúng sinh chẳng phải pháp thí mà thuyết pháp thậm thâm.
3. Với người thích Đại thừa lại tán thán Tiểu thừa cho họ.
4. Lúc bố thí chỉ cho người trì giới người lành, mà không cho người ác.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn tướng sai lầm.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn chánh đạo. Những gì là bốn?

1. Đối với chúng sinh có tâm bình đẳng.
2. Giáo hóa khắp cả chúng sinh, cùng vì Phật tuệ.
3. Đối với chúng sinh bình đẳng thuyết pháp.
4. Làm cho tất cả chúng sinh đồng an trụ chánh hạnh.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn chánh đạo.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn điều chẳng phải là Thiện tri thức của Bồ-tát, chẳng phải là bè bạn tốt. Những gì là bốn?

1. Người cầu Thanh văn chỉ muốn tự lợi.
2. Người cầu Duyên giác vui thích ít sự.
3. Đọc ngoại điển Lộ-già-gia-tỳ, trang sức bằng văn từ.
4. Người được thân cận chỉ thêm thế lợi chẳng lợi ích chánh pháp.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn điều chẳng phải là Thiện tri thức, chẳng phải là bè bạn tốt.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng Thiện tri thức, bốn hạng bè bạn tốt của Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Người đến cầu xin học là Thiện tri thức, vì là nhân duyên Phật đạo.
2. Người hay thuyết pháp là Thiện tri thức vì sinh trí tuệ.
3. Người hay bảo người khác khiến xuất gia là Thiện tri thức, vì tăng trưởng thiện pháp.
4. Chư Phật Thế Tôn là Thiện tri thức, vì tăng trưởng tất cả Phật pháp.

Này Ca-diếp! Đây là bốn hạng Thiện tri thức và bốn hạng bè bạn tốt của Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng chẳng phải Bồ-tát của Bồ-tát mà là giống Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Tham cầu lợi dưỡng mà chẳng cầu pháp.
2. Tham cầu danh tiếng mà chẳng cầu phước đức.
3. Tham cầu tự vui mà chẳng cứu chúng sinh để diệt pháp khổ.
4. Thích tụ họp đồ chúng mà chẳng thích xa lìa.

Này Ca-diếp! Đây là bốn hạng chẳng phải Bồ-tát mà giống Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng Bồ-tát chân thật của Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Hay tin hiểu nghĩa không mà cũng tin nghiệp báo.
2. Biết tất cả pháp không có cái tôi cái ta, mà đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi.
3. Rất ưa thích Niết-bàn mà đi trong sinh tử.
4. Thực hành xả thí, đều vì chúng sinh mà chẳng cầu quả báo.

Này Ca-diếp! Đây là bốn hạng Bồ-tát chân thật.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn đại tạng. Những gì là bốn?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

1. Nếu Bồ-tát được gặp chư Phật.
 2. Hay nghe sáu pháp Ba-la-mật-đa và nghĩa giải của sáu pháp ấy.
 3. Dùng tâm vô ngại quán người thuyết pháp.
 4. Thích hạnh viên ly, tâm không lười biếng.
- Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn đại tạng.
Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp vượt qua ma sự. Những gì là bốn?

1. Thường chẳng xa lìa tâm Bồ-đề.
 2. Đối với chúng sinh, lòng không giận hờn.
 3. Biết rõ các tri kiến.
 4. Lòng chẳng khinh tiện tất cả chúng sinh.
- Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp của Bồ-tát hay vượt khỏi ma sự.
Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp thu giữ các thiện căn. Những gì là bốn?

1. Ở chỗ không nhàn rời lìa tâm siểm khúc.
2. Ở trong các chúng sinh hành bốn Nhiếp pháp mà chẳng cầu báo.
3. Vì cầu pháp nên chẳng tiếc thân mạng.
4. Tu các căn lành lòng không chán đủ.

Này Ca-diếp! Đây là bốn pháp của Bồ-tát thu giữ các căn lành.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát có bốn vô lượng phước đức trang nghiêm. Những gì là bốn?

1. Dùng tâm thanh tịnh mà thực hành pháp thí.
2. Với người phá giới sinh lòng đại Bi.
3. Ở trong các chúng sinh ca ngợi tuyên dương tâm Bồ-đề.
4. Đối với những kẻ hạ liệt thì tu tập nhẫn nhục.

Này Ca-diếp! Đây là Bồ-tát có bốn vô lượng phước đức trang nghiêm.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Gọi là Bồ-tát ấy chẳng phải chỉ danh tự là Bồ-tát mà người hay thực hành pháp lành, thực hành tâm bình đẳng thì gọi là Bồ-tát.

Lược nói người thành tựu được ba mươi hai pháp, thì gọi là Bồ-tát. Những gì là ba mươi hai pháp?

1. Thường vì chúng sinh cầu sâu an lạc, đều làm cho họ được an trụ trong Nhất thiết trí.

2. Lòng chẳng ganh ghét trí tuệ của người.
3. Phá hoại kiêu mạn.
4. Rất thích Phật đạo.
5. Yêu kính rất ráo thâm sâu thân thích không hư dối.
6. Trong kẻ oán người thân, tâm của mình đồng đến bình đẳng với Niết-bàn.
7. Lúc nói thường mỉm cười để ý thăm hỏi trước.
8. Công việc được làm chẳng bỏ giữa chừng.
9. Hoàn toàn vì chúng sinh mà bình đẳng hành đại Bi, lòng không nhàm mỏi.
10. Đa văn không chán.
11. Tự tìm lỗi mình chẳng nói lỗi người.
12. Dùng tâm Bồ-đề hành các oai nghi.
13. Ban ân cho người chẳng cầu báo đáp.
14. Thực hành trì giới không dựa vào bất cứ sự phát sinh nào.
15. Ở trong các chúng sinh hành vô ngại nhẫn.
16. Vì tu tất cả căn lành mà hành tinh tấn.

17. Xa lìa tư tưởng sinh về cõi Vô sắc mà phát khởi thiền định.
18. Hành phương tiện tuệ, ứng dụng bốn Nhiếp pháp.
19. Với chúng sinh thiện hay ác đều từ tâm vô úy.
20. Nhất tâm nghe pháp.
21. Tâm an trụ viển ly.
22. Tâm chẳng ham thích các sự thế gian.
23. Chẳng tham Tiểu thừa.
24. Ở trong Đại thừa thường thấy lợi ích lớn.
25. Lìa ác tri thức thân cận thiện hữu.
26. TỰU THÀNH BỐN PHẠM HẠNH.
27. Du hý thần thông.
28. Thường y chân trí.
29. Đối với chúng sinh làm các chánh hạnh đều chẳng vứt bỏ.
30. Lời nói thường dứt khoát.
31. Quý pháp chân thật.
32. Tất cả việc làm đều lấy Bồ-đề làm trên hết.

Này Ca-diếp! Nếu người có ba mươi hai pháp này thì gọi là Bồ-tát.

Này Đại Ca-diếp! Vì Bồ-tát phước đức vô lượng, vô biên nên dùng thí dụ nhân duyên để rõ biết.

Ví như đại địa, tất cả chúng sinh thọ dùng, mà đất ấy không có tâm phân biệt chẳng cầu họ báo đáp. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, tất cả chúng sinh đều được nhờ lợi ích, mà tâm Bồ-tát không phân biệt chẳng cầu báo đáp.

Ví như nước, tất cả lúa má, cỏ cây đều nhờ đó mà được tăng trưởng. Cũng vậy, Bồ-tát vì tự tâm thanh tịnh nên từ bi trùm khắp tất cả chúng sinh, đều được tăng trưởng tất cả pháp lành.

Ví như lửa đều có thể làm chín tất cả trái hạt của lúa cây. Cũng vậy, trí tuệ của Bồ-tát đều có thể làm chín muồi tất cả pháp lành.

Ví như phong chủng có thể thành lập tất cả thế giới. Cũng vậy, phương tiện của Bồ-tát đều có thể thành lập tất cả Phật pháp.

Ví như mặt trăng từ lúc sơ sinh ánh sáng hình sắc của nó ngày ngày tăng trưởng. Cũng vậy, do tâm thanh tịnh của Bồ-tát mà tất cả pháp lành tăng trưởng từng ngày.

Ví như mặt trời lúc mới mọc, cùng một lúc phóng ánh sáng chiếu khắp nơi cho chúng sinh. Cũng vậy, Bồ-tát phóng ánh sáng trí tuệ cùng một lúc chiếu khắp tất cả chúng sinh.

Ví như vua sư tử trong loài thú, đến chỗ nào cũng chẳng kinh chẳng sợ. Cũng vậy, Bồ-tát trì giới thanh tịnh trí tuệ chân thật, ở chỗ nào cũng đều chẳng kinh chẳng sợ.

Ví như vua voi khéo điều thuận, thì có thể làm xong việc lớn nặng mà thân chẳng mệt nhọc. Cũng vậy, Bồ-tát vì khéo điều tâm nên có thể vì chúng sinh, làm lợi ích lớn, tâm không mỏi nhọc.

Ví như các hoa sen sinh trong nước, mà nước chẳng bám dính được. Cũng vậy, Bồ-tát sinh giữa thế gian, mà pháp thế gian chẳng ô nhiễm được.

Ví như có người đốn cây vì còn gốc nên lại mọc. Cũng vậy, Bồ-tát vì có sức phương tiện nên dù đoạn kết sử, mà còn có căn lành ái nhiễm nên lại sinh trong ba cõi.

Ví như những dòng nước các phương chảy vào biển thì những dòng nước ấy đều biến thành một vị. Cũng vậy, Bồ-tát dùng nhiều pháp môn đốn chứa các căn lành hồi

hướng Vô thượng Bồ-đề đều thành một vị.

Ví như núi Tu-di, chư Thiên trời Đao-lợi và trời Tứ Thiên vương đều nương đó mà ở. Cũng vậy, tâm Bồ-đề của Bồ-tát làm chỗ nương ở cho Nhất thiết trí.

Ví như có đại quốc vương, do sức các quan mà xong việc nước. Cũng vậy, trí tuệ của Bồ-tát do sức phương tiện, nên thành tựu được tất cả các Phật sự.

Ví như lúc trời tạnh sáng không có mây mù, ắt không có tướng mưa. Cũng vậy, quả văn của Bồ-tát không có tướng pháp vũ.

Ví như lúc trời đầy mây âm u ắt có thể mưa xuống đầy đủ cho chúng sinh. Cũng vậy Bồ-tát từ mây đại Bi, khởi mưa đại pháp làm lợi ích chúng sinh.

Ví như Chuyển luân vương xuất hiện nơi nào thì nơi đó có bảy báu. Cũng vậy, lúc Bồ-tát xuất hiện thì ba mươi bảy phẩm Trợ đạo xuất hiện trên thế gian.

Ví như bảo châu như ý, ở chỗ nào thì có vô lượng vàng bạch, châu báu. Cũng vậy, Bồ-tát xuất hiện ở nơi nào, thì có trăm ngàn vô lượng báu Thanh văn, Duyên giác.

Ví như chư Thiên cõi trời Đao-lợi vào vườn Đồng đẳng thì chỗ thọ dụng đều đồng đẳng. Cũng vậy, vì Bồ-tát tâm chân tịnh, nên ở trong chúng sinh bình đẳng giáo hóa.

Ví như sức chú thuật và thuốc làm cho độc, chẳng hại người. Cũng vậy, do sức trí tuệ mà Bồ-tát dứt hẳn độc, vì sức của trí tuệ của Bồ-tát mà chúng sinh chẳng đọa đường ác.

Ví như vật ô uế phế thải trong đại thành mà đem đổ vào ruộng mía ruộng nho thì có lợi ích. Cũng vậy, kết sử của Bồ-tát còn thừa đều là nhân duyên lợi ích Nhất thiết trí.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát thường muốn học kinh Đại Bảo Tích này thì phải thường tu tập chánh quán các pháp. Thế nào là chánh quán? Đó là chân thật tư duy các pháp. Người chân thật chánh quán thì chẳng quán ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Người chân thật quán thì quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Người chân thật quán thì quán địa chủng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, quán thủy hỏa và phong chủng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Tại sao vậy? Vì thường là một bên, vô thường là một bên, còn giữa thường và vô thường thì không có sắc không có hình, không có danh không có tri giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Ngã là một bên, vô ngã là một bên, còn giữa ngã và vô ngã thì không có sắc không có hình, không có danh không có tri giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Nếu tâm có thật thì là một bên nếu tâm phi thật cũng là một bên, nếu không có tâm thức cũng không có tâm số pháp, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Như thế thì pháp thiện và pháp bất thiện, pháp thế gian và pháp xuất thế gian, pháp có tội và pháp không có tội, pháp hữu lậu và pháp vô lậu, pháp hữu vi và pháp vô vi, cho đến pháp có cấu uế và pháp không có cấu uế cũng đều như vậy, rời lìa hai bên mà chẳng thể thọ được cũng chẳng thể nói được, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Hữu là một bên, vô cũng là một bên, còn giữa hữu và

vô thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có tri giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Này Đại Ca-diếp! Mười hai nhân duyên đã được ta thuyết pháp tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão, tử, ưu bi khổ não. Nhân duyên như vậy chỉ là hợp lại thành, là khối đại khổ. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão, tử, ưu bi khổ não diệt, mà khối đại khổ diệt. Minh cùng vô minh không hai, không khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thực quán các pháp.

Như thế thì hành và phi hành, thức và sở thức, danh sắc thấy được và chẳng thấy được, các sáu nhập xứ và sáu thần thông, xúc và sở xúc, thọ và thọ diệt, ái và ái diệt, thủ và thủ diệt, hữu và hữu diệt, sinh và sinh diệt, lão tử và lão tử diệt, đều không hai không khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Người chân thật quán, chẳng do vì không khiến các pháp không mà pháp tánh tự không; chẳng do vì Vô tướng khiến các pháp vô tướng, mà các pháp tự vô tướng; chẳng do vì Vô nguyện khiến các pháp vô nguyện, mà các pháp tự vô nguyện; chẳng do vì vô khởi, vô sinh, vô ngã, vô thủ, vô tánh, khiến các pháp vô khởi đến vô tánh mà các pháp tự vô khởi đến vô tánh. Người quán như vậy gọi là thật quán.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Chẳng phải vì vô nhân nên gọi là không mà không nó tự không; Tiền tế không, hậu tế không, trung tế cũng không. Nên y nơi không chớ y nơi nhân. Nếu do được không, bèn y nơi không, thì nơi Phật pháp là thoái đọa vậy.

Vì thế nên, này Đại Ca-diếp! Thà khởi ngã kiến chứa bằng núi Tu-di, còn hơn là lấy không kiến khởi tăng thượng mạn.

Tại sao vậy? Vì tất cả kiến chấp do nơi không mà được thoát, nếu khởi không kiến thì chẳng thể trừ được.

Ví như y sớ cho thuốc khiến bệnh chuyển động, thuốc ấy ở trong thân người bệnh mà không ra ngoài. Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào, người bệnh ấy được lành chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không lành, thuốc ấy chẳng ra ngoài thì bệnh càng tăng.

–Này Đại Ca-diếp! Cũng vậy, tất cả kiến chấp, chỉ không mới có thể trừ diệt, nếu khởi không kiến thì chẳng trừ được.

Ví như có người sợ hư không kêu khóc đấm ngực mà la lên rằng: “Tôi bỏ hư không.” Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào, hư không ấy có bỏ được chăng?

–Bạch Thế Tôn, không bỏ được!

–Này Đại Ca-diếp! Nếu ai sợ pháp không thì ta bảo người ấy cuồng loạn thất tâm. Vì họ thường đi trong pháp không mà lại sợ pháp không vậy.

Ví như họa sư tự tay vẽ tượng quỷ Dạ-xoa, rồi thấy tượng quỷ lại kinh sợ mê muội té xuống đất. Cũng vậy, tất cả phàm phu tự tạo sắc, thanh, hương, vị, xúc nên qua lại sinh tử thọ các khổ não mà chẳng tự hay biết.

Ví như huyễn sư tự hóa người huyễn rồi trở lại tự tàn hại. Tỳ-kheo hành đạo cũng như vậy, bao nhiêu quán pháp đều không, đều tịch, không có tánh kiên cố, quán ấy cũng không.

Ví như hai khúc gỗ cọ nhau phát sinh ra lửa, lửa ấy trở lại đốt cháy khúc gỗ ấy.

Cũng vậy, do chân thật quán nên sinh Thánh trí, Thánh trí sinh rồi trở lại đốt tiêu thật quán.

Ví như thắp đèn thì tối tăm tự không có, tối ấy không từ đâu lại đi cũng không đến đâu, chẳng phải từ phương Đông lại, đi cũng chẳng đến Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới, chẳng từ kia lại, đi cũng chẳng đến đâu. Ánh sáng đèn này không có quan niệm tối hay diệt tối. Chỉ vì đèn sáng mà không tối. Sáng và tối đều không, vô tác vô thủ. Cũng vậy, lúc thật trí sinh thì vô trí diệt. Trí và vô trí đều không, vô tác, vô thủ.

Ví nhà tối suốt ngàn năm chưa từng thấy ánh sáng, nếu lúc thắp đèn. Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào? Bóng tối ấy chừng có quan niệm rằng tôi ở đây đã lâu chẳng muốn đi chẳng?

–Bạch Thế Tôn, không! Nếu lúc thắp đèn, tối ấy vô lực ắt phải diệt mất.

–Này Đại Ca-diếp! Cũng vậy, trăm ngàn vạn kiếp đã kết nghiệp từ lâu, dùng nhất thật quán sát thì liền tiêu diệt. Ánh sáng đèn kia là Thánh trí, bóng tối kia là kiết nghiệp.

Ví như hạt giống mà ở hư không thì chẳng bao giờ sinh trưởng được. Cũng vậy, Bồ-tát chấp thủ sự chứng đắc thì chẳng bao giờ tăng trưởng Phật pháp được.

Ví như hạt giống ở tại ruộng tốt thì hay sinh trưởng. Cũng vậy, Bồ-tát có các kết sử, rời lìa pháp thế gian có thể tăng trưởng Phật pháp.

Ví như đất khô cao nguyên chẳng sinh hoa sen. Cũng vậy Bồ-tát ở trong vô vi chẳng sinh Phật pháp.

Ví như trong bùn nước ướt thắp sinh hoa sen. Cũng vậy Bồ-tát ở trong sinh tử, chúng sinh tà định thì Phật pháp có thể sinh.

Ví như có bốn biển lớn, trong ấy, đầy sinh tô. Cũng vậy, Bồ-tát hữu vi căn lành nhiều vô lượng.

Ví như chẻ sợi lông ra làm trăm phần, lấy một phần lông chấm một giọt nước trong biển. Cũng vậy, tất cả hàng Thanh văn căn lành hữu vi cũng rất ít như vậy.

Ví như lỗ rỗng trống của một hạt cải nhỏ. Trí tuệ hữu vi của tất cả hàng Thanh văn cũng nhỏ như vậy.

Ví như khoảng không gian mười phương vô lượng, vô biên. Bồ-tát hữu vi trí tuệ năng lực cũng vô lượng như vậy.

Ví như đại vương dòng Sát-lợi có đại phu nhân thông dâm với kẻ bần tiện mang thai sinh con trai. Này Đại Ca-diếp! Ý ông thế nào? Có phải là vương tử chẳng?

–Bạch Thế Tôn, không phải!

–Này Đại Ca-diếp! Cũng vậy, chúng Thanh văn của ta, dù đồng chứng do pháp tánh sinh mà chẳng gọi là chân thật Phật tử của Đức Như Lai.

Ví như đại vương dòng Sát-lợi thông dâm với thể nữ có thai sinh con trai, dù sinh ra từ một cách hèn hạ như vậy mà được gọi là vương tử. Cũng vậy, Bồ-tát mới phát tâm dù chưa có đủ phước đức trí tuệ lại qua sinh tử tùy lực thế của mình mà lợi ích chúng sinh. Đây gọi là Phật tử chân thật của Như Lai.

Ví như Chuyển luân thánh vương có ngàn con trai chưa có một người có tướng Thánh vương, trong ngàn con trai ấy Chuyển luân thánh vương chẳng nghĩ tưởng là con trai mình.

Cũng vậy, dù có trăm ngàn vạn ức Thanh văn quyến thuộc vây quanh mà không có Bồ-tát trong đại chúng ấy, Đức Như Lai chẳng nghĩ tưởng là Phật tử.

Ví như Chuyển luân thánh vương có đại phu nhân mang thai bảy ngày, đưa con trai

ấy có tướng Chuyển luân thánh vương, chư Thiên tôn trọng hơn các con trai khác đã có đủ thân thể sức lực. Vì sao? Vì vương tử trong thai non ấy chắc sẽ nối ngôi tôn quý thừa kế dòng Thánh vương. Cũng vậy, sơ phát tâm Bồ-tát dù chưa đủ Bồ-tát căn nhưng được chư Thiên thần vương hết lòng tôn trọng hơn bậc Đại A-la-hán đủ tám giải thoát. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy được gọi là nối ngôi tôn quý chẳng mất hạt giống Phật.

Ví như một viên bảo châu lưu ly hơn cả tòa núi Tu-di thủy tinh. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã hơn chúng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Ví như ngày phu nhân của Đại vương sinh con trai, các tiểu vương quần thần đều đến bái yết. Cũng vậy, Bồ-tát lúc mới phát tâm, chư Thiên, người đời đều phải lễ kính.

Ví như trong núi Tuyết, sinh những dược thảo, không thuộc về ai không có phân biệt, tùy bệnh mà uống đều có thể chữa trị. Cũng vậy, Bồ-tát đốn chừa trí tuệ, không chỗ phân biệt, bình đẳng cứu hộ khắp tất cả chúng sinh.

Ví như mặt trăng sơ sinh, được mọi người ái kính hơn mặt trăng tròn. Cũng vậy, người tin lời Phật thì ái kính Bồ-tát hơn Đức Như Lai. Vì sao? Vì do các Bồ-tát, mà sinh ra Như Lai.

Ví như kẻ ngu bỏ mặt trăng mà lễ thờ tinh tú. Người trí thì chẳng như vậy, chẳng bỏ lìa người tu hạnh Bồ-tát, để lễ kính hàng Thanh văn.

Ví như tất cả thế gian dù trời hay người, cho dù khéo trao đổi viên ngọc giả, cũng chẳng thể làm thành lưu ly bảo châu được. Cũng vậy, người cầu Thanh văn, dù trì tất cả giới, thành tựu thiền định cũng không thể hoàn toàn được ngời đạo tràng thành Vô thượng Bồ-đề.

Ví như trau giỏi bảo châu lưu ly, có thể xuất sinh vô lượng trân bảo. Cũng vậy, giáo hóa thành tựu Bồ-tát, xuất sinh vô lượng báu Thanh văn, Bích-chi-phật.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Các Bồ-tát phải thường cầu lợi ích cho chúng sinh và tu tập tất cả căn lành, phước có được bình đẳng ban cho tất cả chúng sinh, bao nhiêu trí có được mang đến khắp mười phương chữa trị cho chúng sinh, khiến cho tất cả được rốt ráo.

Những gì gọi là trí được rốt ráo? Đó là dùng Bất tịnh quán, trị tham dâm; dùng Từ bi quán trị sân khú; dùng Nhân duyên quán trị ngu si; dùng Không quán, trị các kiến chấp; dùng Vô tướng quán, trị các ức tưởng phân biệt duyên niệm; dùng Vô nguyện quán, trị tất cả nguyện ra khỏi ba cõi, dùng bốn phi đảo trị tất cả đảo; dùng nghĩa các pháp hữu vi vô thường, để trị quan niệm điên đảo chấp thường trong vô thường; dùng nghĩa hữu vi khổ, để trị quan niệm điên đảo chấp vui trong các khổ; dùng nghĩa vô ngã để trị quan niệm điên đảo chấp ngã trong vô ngã; dùng Niết-bàn tịch diệt, để trị quan niệm điên đảo chấp tịnh trong bất tịnh.

Dùng bốn Niệm xứ, để trị những chấp kiến dựa nương thân, thọ, tâm, pháp. Hành giả quán thân, thuận theo thân tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến, thuận theo thọ tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến, thuận theo tâm tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến, thuận theo pháp tướng mà quán chẳng đọa vào ngã kiến. Bốn niệm xứ ấy, hay chán tất cả thân thọ tâm pháp mà mở cửa Niết-bàn.

Dùng bốn Chánh cần hay dứt các pháp bất thiện đã sinh và ngăn các pháp bất thiện chưa sinh, hay khiến các thiện pháp chưa sinh thì xuất sinh và các pháp thiện đã sinh thì hay khiến tăng trưởng. Tóm lại, hay dứt tất cả pháp bất thiện và thành tựu các thiện pháp. Dùng bốn Như ý túc hay trị tất cả thân tâm trầm trọng khiến được như ý thần thông. Dùng năm Căn trị các chúng sinh bất tín lười biếng, không chánh Niệm loạn tâm không có trí tuệ. Dùng năm Lực ngăn chặn sức lực của các ma phiền não. Dùng bảy

Giác phần, trị sự ngu si nghi hối sai lầm ở trong các pháp. Dùng tám Thánh đạo trị tất cả chúng sinh đọa vào tà đạo.

Đây là phương thuốc trí tuệ rốt ráo của Bồ-tát mà các Bồ-tát phải thường siêng năng cần mẫn tu tập.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Trong hàng y sư nơi Diêm-phù-đề, Kỳ Vực y vương là tối đệ nhất. Giả sử tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều như Kỳ Vực, nếu có người hỏi thuốc trị bệnh kết sử phiền não tà kiến nghi hối trong tâm thì những người ấy còn chẳng đáp được, huống là chữa trị được.

Bồ-tát ở trong tam thiên đại thiên thế giới phải nghĩ rằng: Tôi không nên lấy thế được làm đủ mà phải cầu học tu tập thuốc trí xuất thế, cũng tu tất cả thiện căn phước đức. Bồ-tát như vậy được trí được rồi, đến khắp mười phương, chữa lành rốt ráo cho tất cả chúng sinh.

Những gì gọi là trí được của Bồ-tát? Đó là biết các pháp theo duyên hòa hợp mà sinh, tin tất cả pháp không có ngã nhân chúng sinh thọ mạng tri kiến, không có người tạo tác và kẻ thọ nhận, tin hiểu thông đạt không có ngã ngã sở. Ở trong pháp không, không có chỗ nắm bắt ấy, không có kinh sợ, siêng năng tinh tấn mà suy tìm tâm tướng. Bồ-tát suy tìm tâm như vậy. Những gì là tâm? Là tham dục hay sân khuể, ngu si? Là quá khứ, vị lai, hiện tại, nếu là tâm quá khứ thì đã dứt mất hết rồi, nếu là tâm vị lai thì chưa sinh chưa đến, nếu là tâm hiện tại thì không có an trụ. Tâm này chẳng phải nội ngoại trung gian. Tâm này không có sắc không có hình không có đối, không có thức không có tri không có an trụ không có xứ sở. Tâm ấy như vậy, mười phương ba đời chư Phật đều chẳng có cái đã thấy, đang thấy sẽ thấy. Nếu tất cả chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại mà chẳng thấy được tâm ấy thì nó làm sao có được? Chỉ do nơi điên đảo vọng tưởng, nên tâm sinh các pháp nhiều loại sai biệt. Tâm này như ảo huyễn do ức tướng phân biệt mà khởi các thứ nghiệp và thọ các thứ thân.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Tâm đi như gió vì chẳng nắm bắt được; tâm như nước chảy vì sinh diệt chẳng ngừng; tâm như ngọn đèn vì các duyên mà có; tâm này như ánh chớp vì niệm niệm diệt dứt; tâm như hư không vì khách trần ô nhiễm; tâm như khí vượt vì tham lục dục; tâm như họa sư vì hay khởi các nghiệp nhân; tâm chẳng chuyên nhất vì theo dõi các thứ phiền não; tâm như đại vương vì là chủ tăng thượng các pháp; tâm thường độc hành không hai không bạn vì không có hai tâm đồng thời; tâm như oan gia vì hay khởi tất cả khổ não; tâm như voi cuồng đạp ngã các nhà đất vì hay phá hoại tất cả các lành căn; tâm như nuốt lưỡi câu vì trong khổ mà tưởng là vui; tâm này như mộng vì trong vô ngã mà sinh ngã tưởng; tâm như lặn xanh vì trong bất tịnh mà sinh tịnh tưởng; tâm như giặc dữ vì hay gây sự khổ khảo lược; tâm như ác quỷ vì tìm dịp hại người; tâm thường cao hạ vì tham và sân làm hư hại; tâm như trộm cướp vì cướp mất tất cả căn lành; tâm thường tham sắc như bướm đập lửa; tâm thường tham thanh như quân đi lâu thích tiếng trống trận; tâm thường tham hương như heo thích nằm trong chỗ bất tịnh; tâm thường tham vị như cô gái nhỏ ham ưa ăn ngon, tâm thường tham xúc như ruồi ưa dầu.

Như vậy, này Đại Ca-diếp! Suy tìm tâm tướng ấy hoàn toàn chẳng thể nắm bắt. Nếu chẳng thể nắm bắt thì chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại thì vượt hẳn ba đời. Nếu vượt hẳn ba đời thì chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu chẳng phải có, chẳng phải không thì không khởi. Nếu không khởi thì không tánh. Nếu không tánh thì không sinh. Nếu không sinh thì không diệt. Nếu không diệt thì không chỗ lìa. Nếu không chỗ lìa thì không đến, không đi, không thoái, không sinh. Nếu

không đến, không đi, không thoái, không sinh thì không có hành nghiệp. Nếu không có hành nghiệp thì vô vi. Nếu là vô vi thì là căn bản của tất cả chư Thánh, trong ấy không có trì giới phá giới. Nếu không trì phá thì vô hành cũng vô phi hành. Nếu không có hành không có phi hành thì không có tâm không có tâm số pháp. Nếu không có tâm tâm sở thì không có nghiệp, không có nghiệp báo. Nếu không có nghiệp, không có nghiệp báo thì không có khổ lạc. Nếu không khổ lạc là Thánh tánh, trong ấy không có nghiệp không có người khởi nghiệp, không có thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, trong ấy không có thượng, trung, hạ, sai biệt, vì Thánh tánh bình đẳng như hư không. Tánh ấy không sai biệt vì các pháp bình đẳng nhất vị. Tánh ấy viển ly vì lìa tướng thân tướng tâm. Tánh ấy lìa tất cả pháp, vì tùy thuận Niết-bàn tịch diệt vậy. Tánh ấy thanh tịnh vì lìa các phiền não cấu uế vậy. Tánh ấy vô ngã vì lìa ngã, ngã sở. Tánh ấy không cao hạ vì từ bình đẳng sinh. Tánh ấy là chân đế vì là Đệ nhất nghĩa đế. Tánh ấy vô tận, vì rốt ráo bất sinh. Tánh ấy thường trụ vì các pháp thường như vậy. Tánh ấy an lạc vì Niết-bàn là đệ nhất. Tánh ấy thanh tịnh, vì lìa tất cả tướng. Tánh ấy vô ngã, vì cầu ngã chẳng thể nắm bắt. Tánh ấy chân tịnh vì từ xưa nay rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Các ông nên tự quán bên trong, chớ duyên theo bên ngoài.

Như vậy, này Đại Ca-diếp! Các Tỳ-kheo đời sau như chó đuổi theo cục đất.

Thế nào là Tỳ-kheo như chó đuổi theo cục đất?

Ví như có người lấy cục đất ném chó, nó liền bỏ người mà đuổi theo cục đất. Cũng vậy, có các Sa-môn, Bà-la-môn sợ tục lụy mà ưa sắc, thanh, hương, vị, xúc, họ đến ở chỗ không nhàn, không bề bạn rời chúng ồn náo, thân họ rời khỏi năm dục mà lòng họ chẳng bỏ. Có lúc hoặc họ nhớ sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt, rồi sinh lòng tham muốn mà chẳng quán bên trong, họ chẳng biết thế nào là rời sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì chẳng biết nên có lúc họ đi vào thôn xóm thành ấp ở trong nhân chúng, rồi họ lại bị sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt trói chặt. Do họ trì tục giới, nên sau khi chết được sinh cõi trời rồi lại bị năm dục lạc trói chặt. Sau thân trời họ chẳng thoát khỏi được bốn ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la. Đây gọi là Tỳ-kheo như chó đuổi theo cục đất.

Thế nào là Tỳ-kheo chẳng như chó đuổi theo cục đất?

Nếu có Tỳ-kheo bị người mắng chửi mắng lại, bị người đánh chửi đánh lại, bị người giận hại chửi giận hại lại, chỉ tự quán bên trong cầu điều phục tâm mình mà suy nghĩ như vậy: “Kẻ mắng kẻ đánh kẻ hại là ai? Người thọ chịu là ai?” Đây gọi là Tỳ-kheo chẳng như chó đuổi theo cục đất.

Ví như người giỏi chẵn ngựa, tùy con ngựa trở chứng thế nào đều có thể điều phục. Cũng vậy, hành giả giỏi, tùy tâm mình hướng nơi đâu liền có thể thấu nhiếp, chẳng cho nó phóng dật.

Ví như bệnh nghệt yết hầu liền có thể chết. Cũng vậy trong tất cả kiến chấp, duy có ngã kiến có thể nhanh chóng đoạn mạng trí tuệ.

Ví như có người bị trói, họ tùy chỗ bị trói mà cầu được mở. Cũng vậy, tùy tâm tham chấp chỗ nào, hành giả phải cầu tháo mở.

Này Đại Ca-diếp! Người xuất gia có hai tâm bất tịnh. Thế nào là hai?

1. Đọc tụng các kinh sách ngoại đạo như Lộ-già-gia...

2. Chứa nhiều y bát tốt.

Người xuất gia còn có hai sự cột chặt. Thế nào là hai?

1. Kiến phược.

2. Lợi dưỡng phước.

Người xuất gia còn có hai pháp chướng. Thế nào là hai?

1. Thân cận bạch y.

2. Ghét bỏ người thiện.

Người xuất gia còn có hai thứ cấu uế. Thế nào là hai?

1. Chịu đựng phiền não.

2. Tham các vật thí của đàn-việt.

Người xuất gia còn có hai thứ mưa đá phá nát căn lành. Thế nào là hai?

1. Khinh chê chánh pháp.

2. Phá giới mà thọ của tín thí.

Người xuất gia có hai nhọt ghê. Thế nào là hai?

1. Tìm thấy lỗi người.

2. Tự che lỗi mình.

Người xuất gia còn có hai pháp thiêu đốt. Thế nào là hai?

1. Tâm cấu uế mà thọ mặc pháp y.

2. Thọ sự cúng dường của người lành trì giới.

Người xuất gia còn có hai thứ bệnh. Thế nào là hai?

1. Ôm lòng tăng thượng mạn mà tâm chẳng phục.

2. Phá hoại người phát tâm Đại thừa.

Lại, này Đại Ca-diếp! Hàng Sa-môn có bốn hạng. Thế nào là bốn?

1. Hình phục Sa-môn.

2. Oai nghi khi đối Sa-môn.

3. Tham cầu danh văn Sa-môn.

4. Thực hành Sa-môn.

Thế nào gọi là hình phục sa môn? Có hạng Sa-môn hình dạng và y phục đầy đủ, cạo bỏ râu tóc đắp Tăng-già-lê cầm bát mà thành tựu thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh, chẳng khéo giữ mình tham lam ghen ghét lười biếng phá giới làm ác, đây gọi là hình phục Sa-môn.

Thế nào gọi là oai nghi khi đối Sa-môn? Có hạng Sa-môn đầy đủ bốn oai nghi, nơi thân Sa-môn đi, đứng, ngồi, nằm nhất tâm an tường, dứt các mùi ngon, tu bốn Thánh chủng, xa rời chúng hội và nhà ồn náo, nói năng dịu dàng, thực hành các pháp, như vậy đều là để đối trá chớ chẳng phải là vì đạo thiện tịnh, nơi pháp không, họ có chỗ thấy được, với pháp vô sở đắc họ sinh lòng e sợ như sợ rơi xuống hố sâu, với Tỳ-kheo luận đàm pháp không họ quan niệm như oán tặc, đây gọi là oai nghi khi đối Sa-môn.

Thế nào gọi là danh văn Sa-môn? Có hạng Sa-môn do nhân duyên hiện tại thực hành trì giới mà muốn khiến người biết, tự lực đọc tụng, muốn khiến người biết mình đa văn, tự lực ở một mình nơi nhàn tĩnh, muốn khiến người biết mình là A-lan-nhã, thiếu dục tri túc hành hạnh viễn ly, chỉ vì muốn người biết chớ chẳng vì chán lia, chẳng vì đạo thiện tịch, chẳng vì đắc đạo, chẳng vì bốn quả Sa-môn, chẳng vì Niết-bàn, đây gọi là tham cầu danh văn Sa-môn.

Thế nào gọi là thực hành Sa-môn? Có hạng Sa-môn, chẳng tham thân mạng, hướng là lợi dưỡng, nghe các pháp Không, Vô tướng và vô nguyện thì tâm thông đạt tùy thuận thực hành đúng như được dạy, họ chẳng vì Niết-bàn mà tu phạm hạnh, hướng là ba cõi, họ còn chẳng ưa khởi kiến chấp không vô ngã, hướng là kiến chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, họ lìa pháp y chỉ mà cầu giải thoát phiền não, họ thấy tất cả pháp

vốn vô cấu rốt ráo thanh tịnh mà tự y chỉ, cũng chẳng y chỉ nơi người, do chính Pháp thân còn chẳng thấy Phật hướng là hình sắc khác, do không, viển ly còn chẳng thấy pháp hướng là tham trước âm thanh ngôn thuyết, do pháp vô vi còn chẳng thấy Tăng hướng là thấy có hòa hợp chúng, đối với các pháp không chỗ đoạn trừ không chỗ tu hành, chẳng an trụ sinh tử, chẳng tham trước Niết-bàn, biết tất cả pháp vốn tịch diệt, chẳng thấy trói buộc chẳng cầu giải thoát, đây gọi là thực hành hạnh Sa-môn.

Như vậy, này Đại Ca-diếp! Các ông nên tu tập thực hành Sa-môn, chớ bị danh tự làm hư hoại.

Này Đại Ca-diếp! Ví như người nghèo cùng hèn hạ giả danh giàu sang, ý ông thế nào, có xứng với danh chẳng?

–Bạch Thế Tôn, không!

–Cũng vậy, này Đại Ca-diếp! Người chỉ có danh tự Sa-môn, Bà-la-môn mà không có công đức hạnh chân thật của Sa-môn, Bà-la-môn thì cũng như kẻ nghèo hèn kia mang danh giàu sang giả tạm.

Ví như có người trôi chìm giữa dòng sông lớn, đói mà chết. Cũng vậy, có các Sa-môn đọc tụng nhiều kinh điển mà chẳng thể ngăn được sự thiếu khát tham, sân, si nên trôi chìm trong dòng nước của pháp mà chết, vì phiền não.

Ví như thầy thuốc tay cầm túi thuốc đi mà tự thân bệnh lại chẳng trị được. Cũng vậy, người đa văn có phiền não, dù có đa văn mà chẳng ngăn phiền não thì chẳng được lợi ích gì cho chính mình.

Ví như có người uống thuốc quý của nhà vua mà chẳng thích hợp nên bị thuốc làm hại. Cũng vậy, người đa văn có bệnh phiền não được thuốc pháp tốt mà chẳng thể tu tập thì tự hại căn lành.

Ví như bảo châu ma-ni rơi vào chỗ bất tịnh thì không thể đeo vào mình. Cũng vậy, người đa văn tham trước lợi dưỡng thì chẳng còn lợi ích được cho trời, người.

Ví như thầy người chết đeo chuỗi vàng, Tỳ-kheo đa văn phá giới đấp pháp y, nhận người cúng dường cũng như vậy.

Ví như bậc trưởng giả cắt móng, tắm gội sạch, thoa trầm hương màu tím, mặc y phục trắng mới, đội vòng hoa, trong ngoài tương xứng. Tỳ-kheo đa văn trì giới mặc pháp y nhận người cúng dường cũng như vậy.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp! Có bốn hạng Tỳ-kheo phá giới mà tựa như trì giới tốt. Thế nào là bốn?

1. Có hạng Tỳ-kheo trì giới đầy đủ, trong các tội lớn nhỏ lòng thường e sợ, giới pháp được nghe đều có thể làm theo, thân nghiệp khẩu nghiệp và ý nghiệp đều thanh tịnh, chánh mạng thanh tịnh, mà Tỳ-kheo này lại tuyên nói hữu ngã luận. Đây là tợ trì giới tốt thứ nhất.

2. Có hạng Tỳ-kheo tụng trì giới luật thực hành đúng như được dạy mà thân kiến chẳng diệt. Đây là tợ trì giới tốt thứ hai.

3. Có hạng Tỳ-kheo trì giới đầy đủ, chấp lấy tướng chúng sinh mà hành từ tâm, nghe nói tất cả pháp xưa nay vốn không sinh thì rất kinh sợ. Đây là tợ trì giới tốt thứ ba.

4. Có hạng Tỳ-kheo thực hành đủ mười hai hạnh Đầu-đà, thấy có sở đắc. Đây là tợ trì giới tốt thứ tư.

Này Đại Ca-diếp! Người thật sự trì giới tốt thì không ngã, không ngã sở, không tạo tác, không phi tác, không có cái được tạo, cũng không có người tạo tác, không hành, không phi hành, không sắc, không danh, không tướng, không phi tướng, không diệt,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không phi diệt, không nắm giữ, không xả bỏ, không thể giữ, không thể bỏ, không chúng sinh, cũng không tên gọi chúng sinh, không tâm không tên gọi tâm, không thể gian, không phi thể gian, không y chỉ, không phi y chỉ, không lấy giới đức để tự cao, cũng chẳng chê giới người, cũng chẳng nhớ tưởng phân biệt giới ấy. Đây gọi là giới hạnh được chư Thánh thọ trì, vô lậu chẳng trói buộc, chẳng thọ ba cõi, xa rời tất cả các pháp y chỉ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn sáng tỏ nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Người trì giới thanh tịnh
Vô cấu vô sở hữu
Trì giới không kiêu mạn
Cũng không chỗ y chỉ.
Trì giới không ngu si
Cũng không có trói buộc
Trì giới không trần ô
Cũng không có trái lỗi.
Trì giới lòng thiện nhuãn
Rốt ráo thường tịch diệt
Xa rời tất cả niệm
Nhớ tưởng và phân biệt
Giải thoát các động niệm
Là tịnh trì giới Phật.
Chẳng tham tiếc thân mạng
Chẳng dụng pháp hữu vi
Tu tập các chánh hạnh
An trụ trong chánh đạo
Đây gọi là Phật pháp
Chân thật trì tịnh giới.
Trì giới chẳng nhiễm đời
Cũng chẳng nương thế pháp
Thành tựu trí tuệ sáng
Không tối không sở hữu
Không ngã không tưởng ngã
Đã thấy biết các tướng
Đây gọi là Phật pháp
Chân thật trì tịnh giới.
Không bờ này, bờ kia
Cũng không có trung gian
Ở trong không đây kia
Cũng không có sở trước
Không trói buộc không rò rỉ
Cũng không có khi đối
Đây gọi là Phật pháp
Chân thật trì tịnh giới.
Tâm chẳng trước danh sắc
Chẳng chấp ngã ngã sở*

*Đây gọi là an trụ
Chân thật trì tịnh giới.
Dù hành trì tịnh giới
Mà lòng chẳng tự cao
Cũng chẳng cho là hơn
Gặp giới cầu Thánh đạo
Đây gọi là chân thật
Thanh tịnh trì giới tướng.
Chẳng cho giới tối thượng
Cũng chẳng quý Tam-muội
Vượt qua hai sự này
Tu tập chánh trí tuệ
Không tịch vô sở hữu
Tánh thể của Hiền thánh
Trì tịnh giới như vậy
Được chư Phật ngợi khen.
Tâm giải thoát thân kiến
Trừ diệt ngã ngã sở
Tin hiểu nơi chư Phật
Sở hành pháp không tịch
Trì Thánh giới như vậy
Thì không gì sánh bằng.
Y giới được Tam-muội
Do định tu trí tuệ
Nhân nơi tu trí tuệ
Bèn được thanh tịnh trí
Người đã được tịnh trí
Thì đủ giới thanh tịnh.*

Đức Phật nói kệ xong, có năm trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp, tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh. Có năm trăm Tỳ-kheo nghe pháp sâu xa này chẳng thông đạt chẳng tin hiểu, họ rời chỗ bỏ đi.

Khi ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo ấy đều đã được thiên định mà vì chẳng thể tin hiểu, đi vào pháp thậm thâm nên họ đứng dậy bỏ đi.

Đức Phật dạy:

–Này Đại Ca-diếp! Các Tỳ-kheo ấy đều là hạng tăng thượng mạn, họ nghe giới tướng thanh tịnh vô lậu này chẳng tin hiểu được, chẳng thông đạt được lời kệ của Phật nói ý nghĩa thậm thâm. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-đề rất thậm thâm. Nếu là người trồng căn lành chẳng dày, bị ác tri thức nắm giữ, sức tin hiểu ít thì khó tin thọ được.

Này Đại Ca-diếp! Thuở Phật Ca-diếp quá khứ, năm trăm Tỳ-kheo ấy làm đệ tử ngoại đạo, họ đến chỗ Phật Ca-diếp muốn tìm hay dở. Họ nghe Phật thuyết pháp được chút ít lòng tin mà suy nghĩ rằng: Đức Phật đây hy hữu, lời nói lành tốt vi diệu. Do tâm lành ấy nên sau khi chết họ được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Khi hết tuổi thọ ở trời Đao-lợi, họ sinh làm người Diêm-phù-đề được xuất gia trong pháp của ta. Các Tỳ-kheo ấy chấp sâu các kiến chấp, họ nghe nói pháp thậm thâm chẳng tin hiểu được, chẳng tùy

thuận thông đạt được. Các Tỳ-kheo ấy dù chẳng thông đạt, nhưng do nhân duyên nghe pháp thậm thâm này, họ được lợi ích lớn chẳng sinh ác đạo. Họ sẽ ở thân hiện tại được nhập Niết-bàn.

Đức Phật bảo Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Ông qua nơi kia đem các Tỳ-kheo ấy đến đây.

Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch:

–Bạch Thế Tôn! Họ còn chẳng tin được lời Phật dạy, huống là Tu-bồ-đề này.

Đức Phật liền hóa làm hai Tỳ-kheo đi trên đường mà năm trăm Tỳ-kheo ấy đang hướng đến.

Các Tỳ-kheo ấy gặp vị hóa Tỳ-kheo liền hỏi:

–Hai Đại đức muốn đi về đâu?

Hóa Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi muốn đến chỗ ở riêng để tu Thiên định lạc. Vì sao? Vì chẳng tin hiểu được pháp của Phật nói.

Các Tỳ-kheo nói:

–Này hai Đại đức! Chúng tôi nghe Phật thuyết pháp cũng chẳng tin hiểu được nên muốn đi ở riêng, tu hạnh thiên định.

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Chúng ta phải rời lìa lòng tự cao, tranh chấp, trái nghịch, phải cầu tin hiểu nghĩa của Phật nói. Vì sao? Vì không cao không tranh chấp là pháp Tỳ-kheo vậy. Niết-bàn được nói gọi là diệt ấy là diệt những gì? Trong thân này có ngã để diệt chăng? Có nhân, có tác giả, có thọ giả, có mạng giả để diệt chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Trong thân này không có ngã nhân tác giả thọ giả mạng giả để diệt, chỉ vì tham dục, sân khuể, ngu si diệt mà gọi là Niết-bàn.

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Tham, sân, si của các vị có tướng nhất định diệt hết được chăng?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

–Tham, sân, si chẳng ở trong chẳng ở ngoài chẳng ở tại trung gian, lìa các ức tướng thì nó chẳng sinh.

Hóa Tỳ-kheo nói:

–Vì thế nên các vị chớ có nhớ tướng. Nếu các vị chẳng khởi nhớ tướng phân biệt nơi pháp, thời ở nơi các pháp không nhiễm không lìa. Không nhiễm không lìa thì gọi là tịch diệt. Giới phẩm được có cũng chẳng vãng lai cũng chẳng diệt tận. Định phẩm tuệ phẩm giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm cũng chẳng vãng lai cũng chẳng diệt tận. Do pháp như vậy nên gọi là Niết-bàn. Pháp ấy đều không, đều viễn ly cũng chẳng giữ lấy được. Các vị xả ly tướng niệm Niết-bàn ấy, chớ theo tướng, chớ theo phi tướng, chớ dùng tướng để xả bỏ tướng, chớ dùng tướng để quán nơi tướng. Dùng tướng xả bỏ tướng thì bị tướng trói buộc. Các vị chẳng nên phân biệt tất cả thọ tướng diệt định, vì tất cả các pháp không phân biệt. Nếu có Tỳ-kheo diệt dứt các thọ tướng mà được diệt định thì là hoàn toàn không còn có như trên.

Lúc vị hóa Tỳ-kheo nói pháp ấy, năm trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp, tâm được giải thoát, họ trở lại chỗ Đức Phật đầu mặt lay chân Phật rồi đứng qua một bên.

Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo:

–Các vị đi đến chỗ nào, nay từ đâu lại?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Các Tỳ-kheo đáp:

–Như Đức Phật thuyết pháp, không từ đâu đến, đi không đến đâu.

Hỏi:

–Ai là thầy các ngài?

Đáp:

–Thầy chúng tôi từ trước chẳng sinh cũng không có diệt.

Hỏi:

–Các vị nghe pháp từ đâu?

Đáp:

–Không có năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Chúng tôi nghe pháp từ đó.

Hỏi:

–Nghe pháp thế nào?

Đáp:

–Chẳng vì trói buộc chẳng vì giải thoát.

Hỏi:

–Các vị tu tập pháp gì?

Đáp:

–Chẳng vì được, chẳng vì dứt.

Hỏi:

–Ai điều phục các vị?

Đáp:

–Thân không định tướng, tâm không sở hành, là điều phục chúng tôi.

Hỏi:

–Làm sao tâm được giải thoát?

Đáp:

–Vì không dứt vô minh, không sinh vô minh.

Hỏi:

Các vị là đệ tử ai?

Đáp:

–Người vô đắc vô tri kia.

Hỏi:

–Các vị chừng nào sẽ nhập Niết-bàn?

Đáp:

–Nếu Hóa nhân của Đức Như Lai nhập Niết-bàn chúng tôi sẽ nhập.

Hỏi:

–Các vị đã được sự lợi ích của chính mình chẳng?

Đáp:

–Vì tự lợi chẳng thể nắm bắt.

Hỏi:

–Các vị chỗ làm đã xong chẳng?

Đáp:

–Vì chỗ làm chẳng thể nắm bắt.

Hỏi:

–Các vị tu phạm hạnh chẳng?

Đáp:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Nơi ba cõi chẳng hành, cũng chẳng phải chẳng hành là phạm hạnh của chúng tôi.

Hỏi:

–Các vị đã hết phiền não chẳng?

Đáp:

–Tất cả các pháp rốt ráo không có tướng hết.

Hỏi:

–Các vị đã phá ma chẳng?

Đáp:

–Ấm ma chẳng thể nắm bắt.

Hỏi:

–Các vị phụng sự Đức Như Lai chẳng?

Đáp:

–Chẳng do thân tâm.

Hỏi:

–Các vị an trụ phước điền chẳng?

Đáp:

–Không có an trụ.

Hỏi:

–Các vị đã đoạn sinh tử qua lại chẳng?

Đáp:

–Không có thường, không có đoạn.

Hỏi:

–Các vị tùy pháp hành chẳng?

Đáp:

–Vô ngại giải thoát.

Hỏi:

–Các vị rốt ráo sẽ đến chỗ nào?

Đáp:

–Tùy nơi chỗ đến của Hóa nhân của Đức Như Lai.

Lúc Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các Tỳ-kheo hỏi đáp, trong đại chúng có năm trăm Tỳ-kheo chẳng thọ các pháp tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ Bồ-tát Phổ Minh bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Muốn học kinh Bảo Tích này, Bồ-tát nên trụ thế nào, nên học thế nào?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát học lời được nói trong kinh này đều không có tướng nhất định, chẳng giữ lấy được, cũng chẳng nên chấp trước. Tùy theo đây thực hành có lợi ích lớn.

Này Phổ Minh! Ví như có người ngồi thuyền bằng đất chưa nung chín, để qua sông Hằng, họ dùng sức tinh tấn nào để ngồi thuyền ấy mà qua sông được?

Bồ-tát Phổ Minh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người ấy phải dùng sức đại tinh tấn mới qua sông được. Vì sao? Vì sợ giữa dòng thuyền rã.

Đức Phật dạy:

–Này Phổ Minh! Cũng vậy, Bồ-tát muốn tu Phật pháp nên siêng tinh tấn còn hơn

nữa. Vì sao? Vì thân này vô thường không quyết định, nó là tướng bại hoại chẳng dừng được lâu hoàn toàn về nơi dứt diệt, vì sợ chưa được pháp lợi mà giữa chừng hư hoại vậy.

Ta ở dòng nước lớn muốn độ chúng sinh dứt bốn dòng nước vậy, nên tu tập pháp thuyền, rồi ngồi pháp thuyền ấy qua lại sinh tử độ thoát chúng sinh.

Thế nào là pháp thuyền được Bồ-tát tu tập?

Đó là tâm bình đẳng. Tất cả chúng sinh làm nhân duyên của thuyền, tu tập vô lượng phước để làm dây chằng, giới thanh tịnh làm ván, bố thí và quả để làm trang nghiêm, tịnh tâm Phật đạo làm chất gỗ, tất cả phước đức để làm hoàn toàn đủ, nhẫn nhục làm dây kiên cố mềm dài, chánh niệm làm định. Các Bồ-đề phần kiên cường tinh tấn tối thượng diệu thiện sản sinh trong rừng pháp, chẳng thể nghĩ bàn vô lượng thiện định phước đức nghiệp thành, thiện tịch điều tâm, để làm thợ giỏi, rọt ráo bất hoại được đại Bi nhiếp lấy, dùng bốn Nhiếp pháp rộng độ tận xa xôi, dùng sức trí tuệ phòng ngừa các oán tặc, sức phương tiện khéo nhiều thứ tập hợp, dùng bốn Phạm hạnh lớn để trang nghiêm, dùng bốn Niệm xứ làm lâu vàng, dùng bốn Chánh cần và bốn Như ý túc làm gió mạnh, năm Căn khéo quan sát rời lìa hiểm trở, năm Lực càng nhẹ nổi, bảy Giác chi thường giác ngộ hay phá giấc ma, vào đường tám Thánh đạo chân chánh tùy ý đến bờ rìa mé ngoài đạo, chỉ làm điều nự, quán làm lợi ích, chẳng dính mắc hai bên, có pháp nhân duyên để làm an ổn, Đại thừa rộng rãi biện tài vô tận, tiếng tăm vang xa, hay tế độ mười phương tất cả chúng sinh mà tự xưng lên rằng: “Đến đây lên pháp thuyền theo đường an ổn đến bờ Niết-bàn khỏi bến thân kiến mà đến bến Phật đạo rời tất cả kiến chấp.”

Này Phổ Minh! Vì thế mà Bồ-tát phải tu tập pháp thuyền như vậy. Dùng pháp thuyền ấy, trải vô lượng trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ kiếp, ở trong sinh tử độ thoát tất cả chúng sinh trôi chìm trong dòng nước lớn.

Lại nữa, này Phổ Minh! Còn có pháp hành có thể làm cho Bồ-tát mau được thành Phật. Đó là các việc được làm đều chân thật chẳng hư, tu tập thiện pháp sâu dày, thâm tâm thanh tịnh, chẳng bỏ tinh tấn, ưa muốn gần bậc sáng suốt để tu tập tất cả các căn lành, thường chính ức niệm vì thích pháp lành, đa văn không chán vì đủ trí tuệ, phá hoại kiêu mạn để tăng ích trí tuệ, trừ diệt hý luận để đủ phước đức, thích an ổn ở một mình, vì thân tâm rời lìa, chẳng ở ồn náo vì xa kẻ ác, sâu cầu chánh pháp vì nương nơi Đệ nhất nghĩa, cầu đại trí tuệ vì thông đạt thực tướng, cầu nơi chân đế vì được bất hoại pháp, cầu nơi pháp không, vì sở hành chân chánh, cầu nơi viễn ly, vì được tịch diệt.

Này Phổ Minh! Đây là pháp hành có thể làm cho Bồ-tát mau thành Phật đạo.

Đức Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Phổ Minh, Trưởng lão Đại Ca-diếp, Trưởng lão Tu-bồ-đề... Tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

